

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN
THÔNG
Số: 49/2003/QĐ-BBCVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành cước dịch vụ thông tin di động trả sau GSM

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 99/1998/QĐ-TTg ngày 26/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá và cước bưu chính, viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 03/1999/TT-TCBĐ ngày 11/5/1999 của Tổng cục Bưu điện hướng dẫn thực hiện Nghị định số 109/1997/NĐ-CP ngày 12/11/1997 của Chính phủ về Bưu chính và Viễn thông và Quyết định số 99/1998/QĐ-TTg ngày 26/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá và cước bưu chính, viễn thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bảng cước thông tin di động trả sau GSM (có bảng cước kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2003. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Đặng Đình Lâm

(Đã ký)

CƯỚC THÔNG TIN DI ĐỘNG TRẢ SAU GSM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2003-QĐ/BBCVT ngày 20 tháng 3 năm 2003
của Bộ Bưu chính, Viễn thông)

I- BẢNG CƯỚC

STT	Danh mục cước phí	Đơn vị tính	Mức cước
1	Cước hoà mạng giao cho doanh nghiệp		
1.1	cung cấp dịch vụ quy định với điều kiện:	đồng/máy-lần	545.455
1.2	Mức tối đa không quá	đồng/máy-lần	363.636
	Mức tối thiểu không thấp hơn		
2	Cước thuê bao	đồng/máy-tháng	109.091
3	Cước thông tin:		1.636
3.1	Nội vùng:	đồng/phút	2.455
3.2	Liên vùng:	đồng/phút	Cước nội vùng
3.3	Cước gọi đi quốc tế		cộng với cước điện thoại đi quốc tế

II- CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1- Cước hoà mạng

- Thu một lần, bao gồm cả simcard.

2- Cước thuê bao

2.1- Thu theo tháng

2.2- Trường hợp các khách hàng mới đăng ký sử dụng, hoặc xin chấm dứt hợp đồng sử dụng không đủ trọn tháng, cước thuê bao của tháng đó được tính như sau:

109.091 đồng

Cước thuê bao tháng = X Số ngày sử dụng trong tháng

30 ngày

- Số ngày sử dụng trong tháng:

+ Đối với khách hàng mới đăng ký sử dụng: số ngày sử dụng trong tháng được tính từ ngày khách hàng ký hợp đồng sử dụng đến hết tháng.